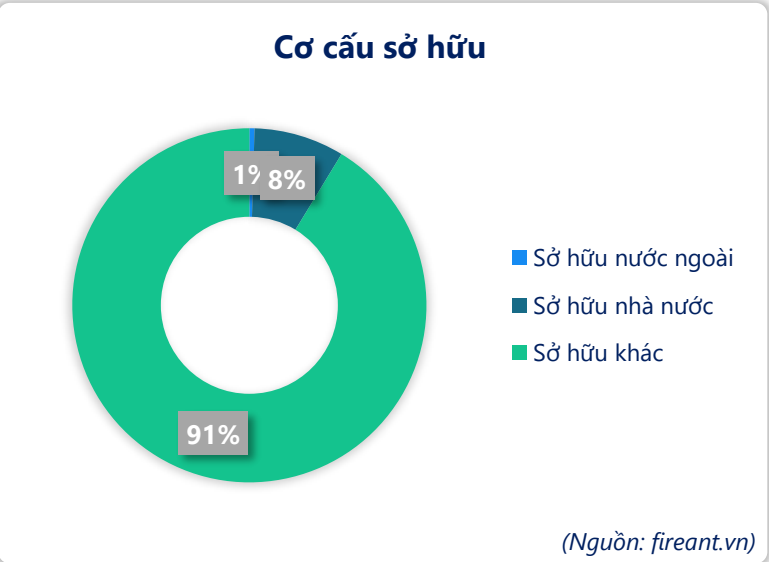
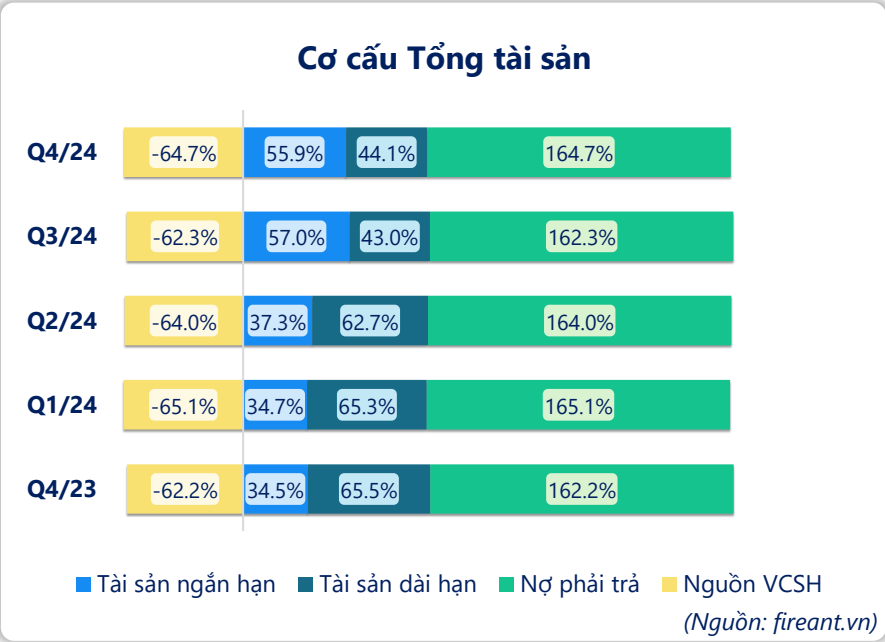
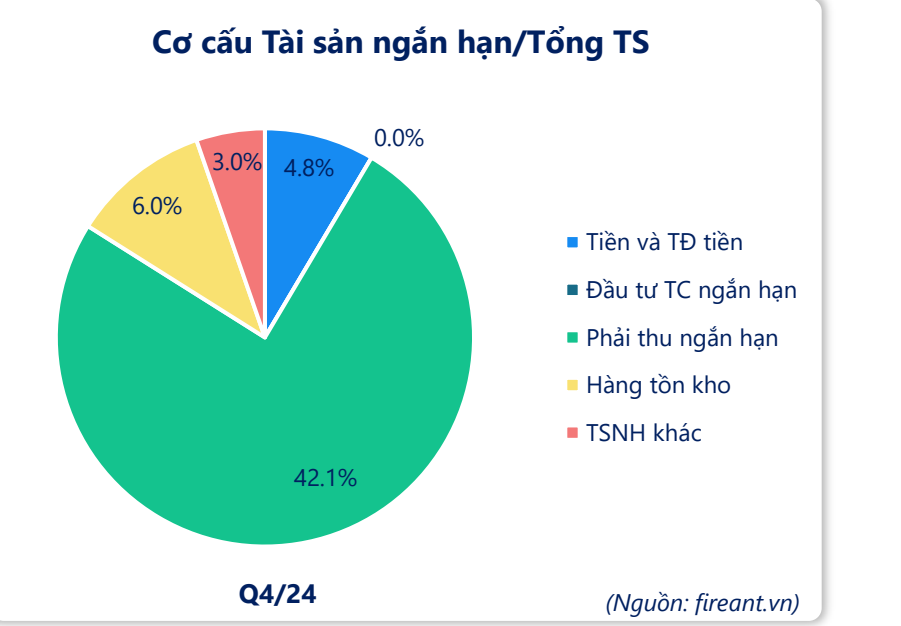
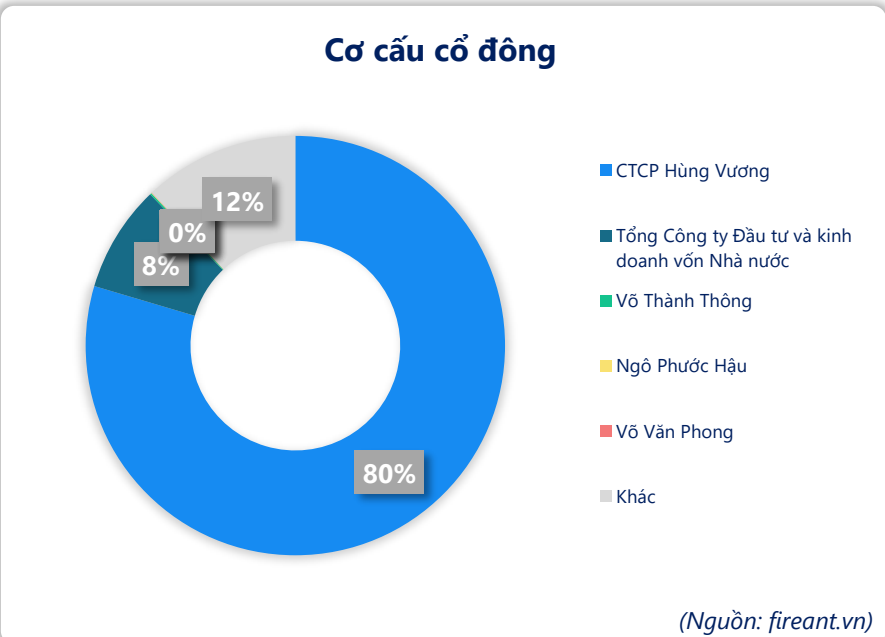
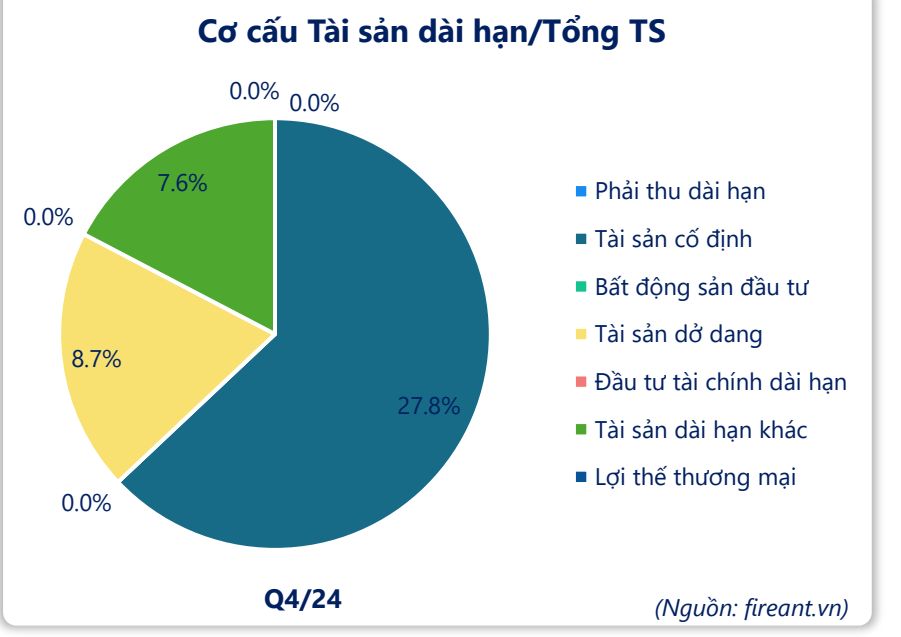
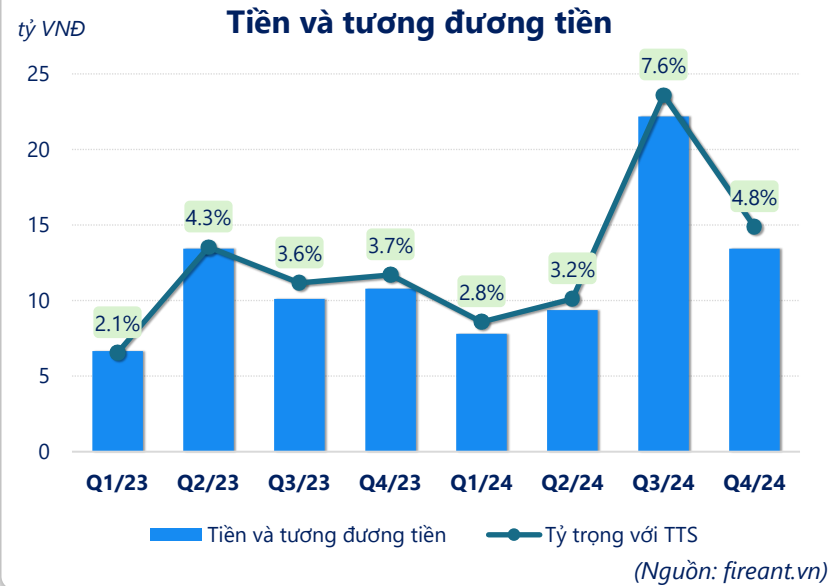
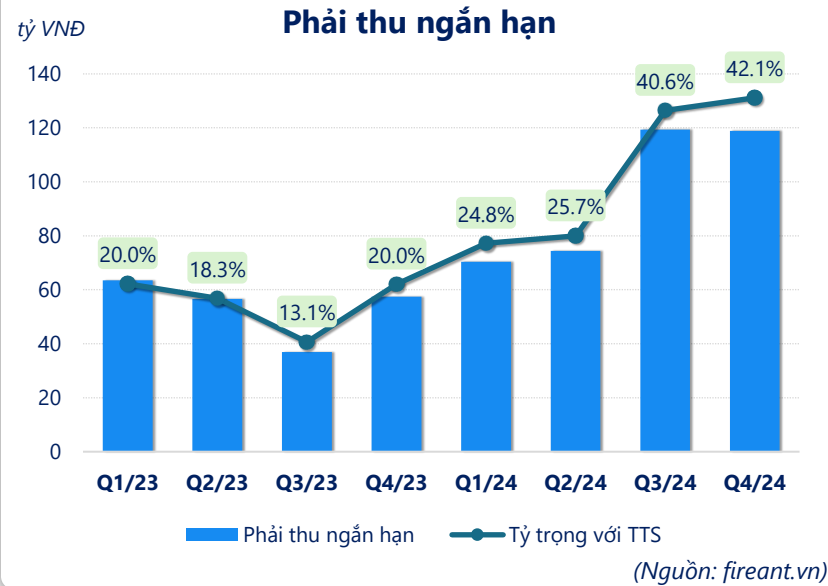
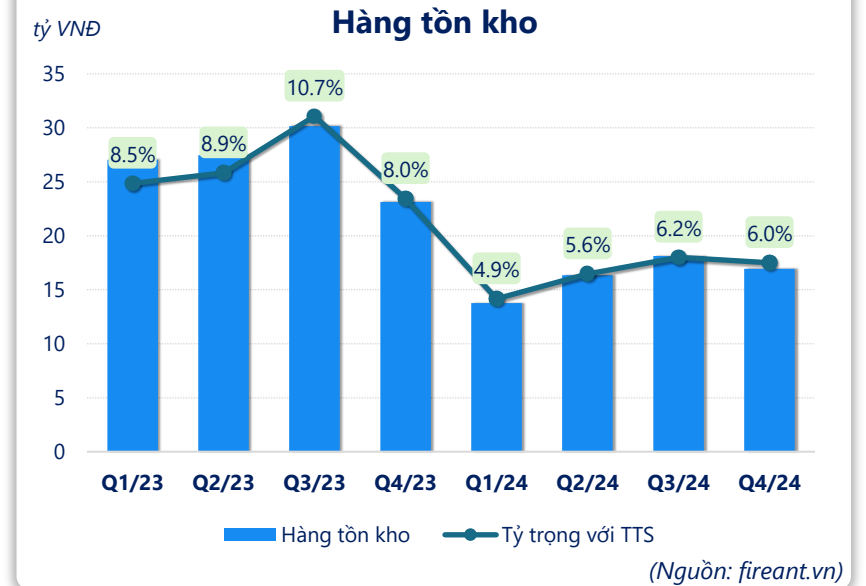
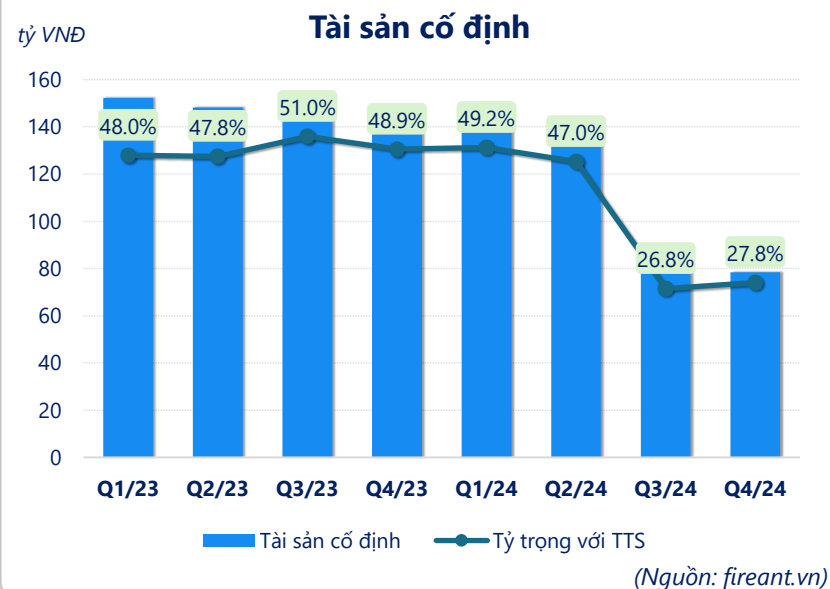
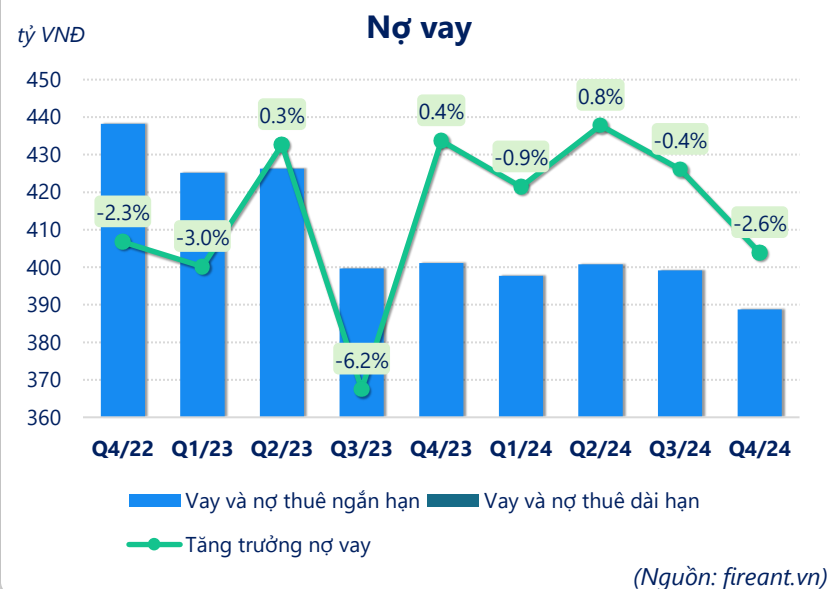
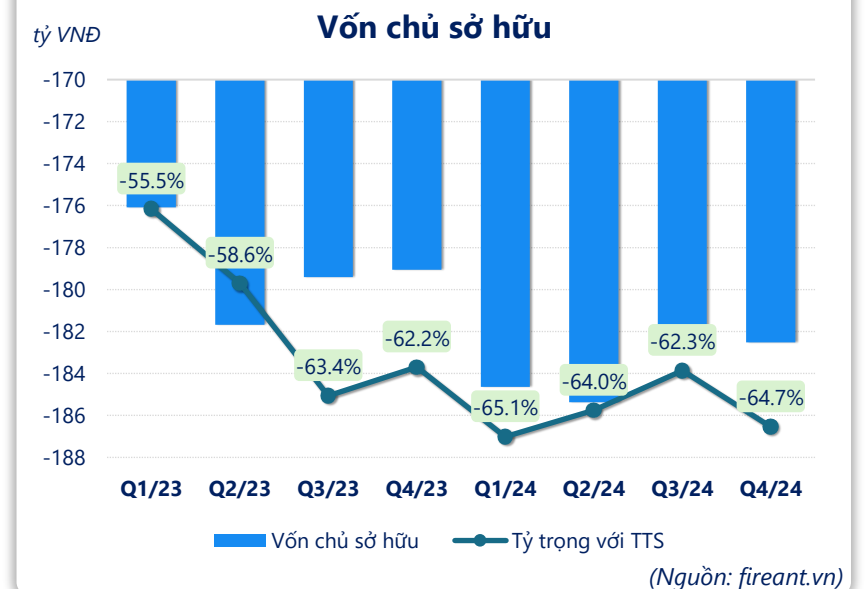
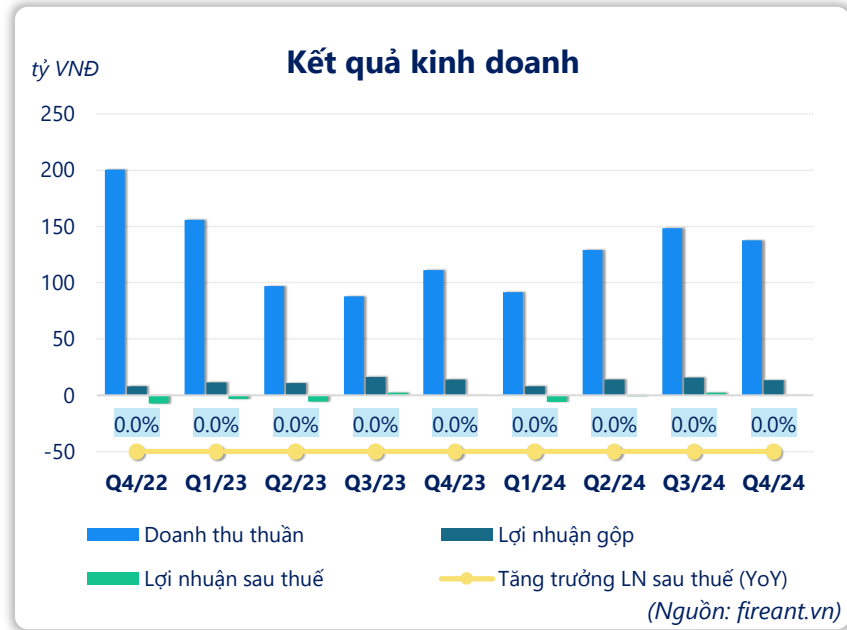
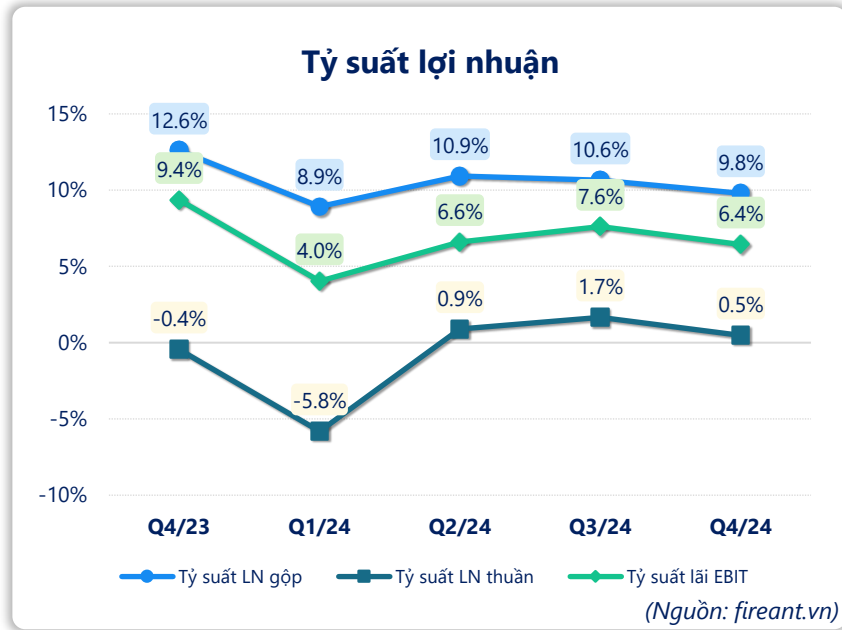
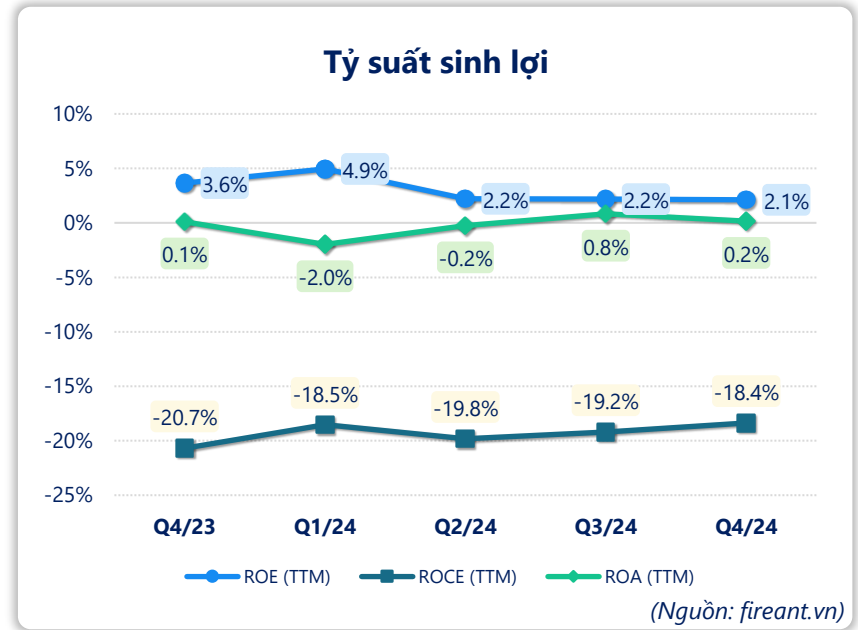
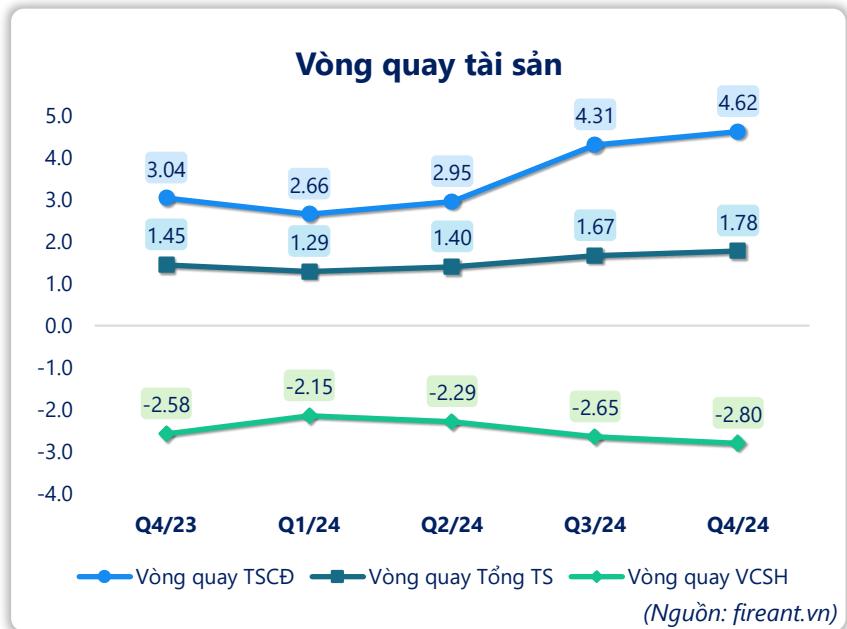
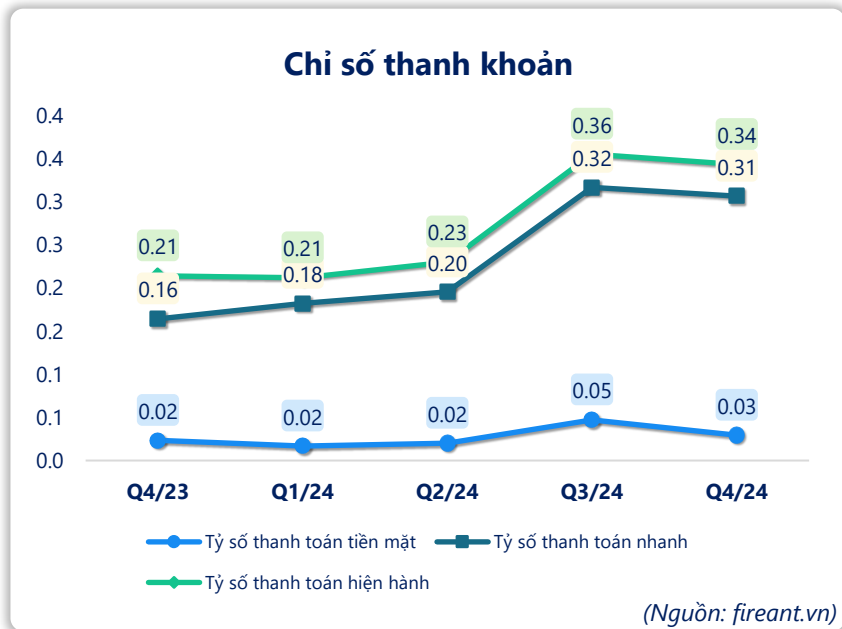
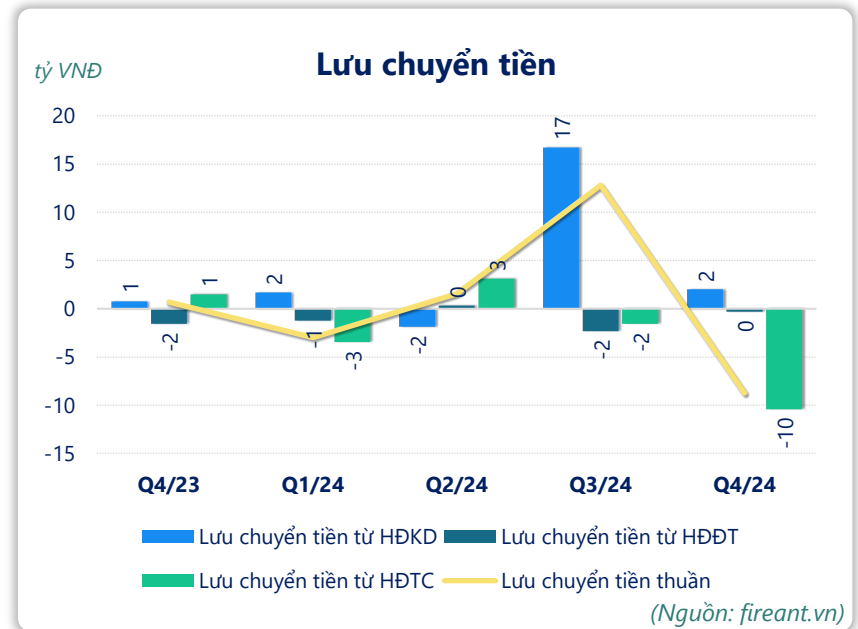


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,200
SL cổ phiếu LH		28,109,743
KLGD BQ 20 phiên (CP)		220
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		84
P/E		-22.1
EPS		-136

	YTD	1T	3T	6T
AGF		36.4%	11.1%	11.1%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	282	288	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	158	102	54.9%
Tiền và tương đương tiền	13.4	10.8	24.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	119	57.5	107%
Hàng tồn kho	16.9	23.5	-28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.38	9.99	-16.1%
Tài sản dài hạn	124	187	-33.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	78.4	141	-44.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.5	25.1	-2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.6	20.5	5.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	465	467	-0.5%
Nợ ngắn hạn	459	464	-1.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	389	401	-3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.9	8.64	130%
Nợ dài hạn	5.62	3.40	65.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-183	-179	-2.1%
Vốn chủ sở hữu	-183	-179	-2.1%
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	111	91.5	129	148	138
Giá vốn hàng bán	97.1	83.4	115	133	124
Lợi nhuận gộp	14.0	8.16	14.1	15.8	13.5
Doanh thu HĐTC	0.08	0.03	0.08	0.03	0.10
Chi phí TC	10.3	9.84	9.45	9.12	8.64
Chi phí lãi vay	10.1	9.63	9.26	8.90	8.41
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.37	0.68	0.84	0.92	0.77
Chi phí QLDN	2.86	2.99	2.75	3.33	3.54
LN thuần từ HĐKD	-0.49	-5.32	1.15	2.46	0.66
Lợi nhuận khác	0.83	-0.63	-1.89	-0.08	-0.19
LN trước thuế	0.34	-5.94	-0.73	2.38	0.47
Lợi nhuận sau thuế	0.34	-5.94	-0.73	2.38	0.47
LNST của CĐ cty mẹ	0.34	-5.94	-0.73	2.38	0.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.77	1.70	-1.87	16.7	2.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.57	-1.24	0.32	-2.34	-0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.47	-3.45	3.10	-1.58	-10.4
Tiền đầu kỳ	10.1	10.8	7.80	9.38	22.2
Lưu chuyển tiền thuần	0.68	-2.99	1.56	12.8	-8.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	7.80	9.38	22.2	13.4

(Nguồn: fireant.vn)